

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU THỐNG NHẤT**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU THỐNG NHẤT
DN: C=VN, S=BÀ RỊA-VŨNG TÀU, L=Tp.
Bà Rịa, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CAO
SU THỐNG NHẤT,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:3500100424
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2023.07.17 10:03:14+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.1.1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa, ngày 17 tháng 7 năm 2023.

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

- Mã chứng khoán: **TNC**

- Địa chỉ: Số 256, đường 27/4, P. Phước Hưng, TP Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa-Vũng

Tàu

- Điện thoại liên hệ: 02543.823119

Fax: 02543.823120

- E-mail: thongnhat.trc@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính quý II năm 2023.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 17/07/2023 tại đường dẫn <http://trc.com.vn/quanhecodong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:
Báo cáo tài chính quý II năm 2023.

Đại diện tổ chức
Người ủy quyền công bố thông tin



Nguyễn Nhật Thành Lâm

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

PHÒNG KẾ TOÁN – TÀI VỤ



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ II NĂM 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		228,461,751,596	242,318,067,447
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		21,888,661,760	3,983,258,871
Tiền	111		11,888,661,760	3,983,258,871
Các khoản tương đương tiền	112		10,000,000,000	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		172,100,000,000	165,000,000,000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK kinh doanh ngắn hạn (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		172,100,000,000	165,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7,158,276,714	21,434,899,867
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		5,696,936,635	18,657,185,445
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2,024,386,891	589,045,918
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136		4,353,778,123	7,105,493,439
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(4,916,824,935)	(4,916,824,935)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		20,878,670,831	51,883,748,066
Hàng tồn kho	141		20,878,670,831	51,883,748,066
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6,436,142,291	16,160,643
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6,275,248,781	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		160,893,510	16,160,643
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		158,241,313,727	161,691,555,908
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		111,629,235,855	88,131,531,923
Tài sản cố định hữu hình	221		111,629,235,855	88,131,531,923
Nguyên giá	222		191,445,634,176	176,458,181,744
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(79,816,398,321)	(88,326,649,821)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		340,000,000	340,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(340,000,000)	(340,000,000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		12,801,293,750	40,188,283,718
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		12,801,293,750	40,188,283,718
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		30,511,175,704	30,511,175,704
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		26,811,175,704	26,811,175,704
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		3,700,000,000	3,700,000,000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3,299,608,418	2,860,564,563
Chi phí trả trước dài hạn	261		3,299,608,418	2,860,564,563
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		386,703,065,323	404,009,623,355
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		62,730,819,180	60,237,278,434
I. Nợ ngắn hạn	310		62,730,819,180	50,000,135,771
Phải trả người bán ngắn hạn	311		896,233,105	1,037,111,326
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		30,647,998	80,374,998
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		7,686,552,405	5,557,999,963
Phải trả người lao động	314		876,154,733	8,294,774,382
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		55,000,000	312,369,143
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319		36,862,295,835	1,995,800,666
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	20,000,000,000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		16,323,935,104	12,721,705,293
Quỹ bình ỗ giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	10,237,142,713
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	10,237,142,713
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		323,972,246,143	343,772,344,571
I. Vốn chủ sở hữu	410		323,972,246,143	343,772,344,871
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		192,500,000,000	192,500,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		192,500,000,000	192,500,000,000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		105,832,657,290	95,474,011,654
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25,639,588,853	55,798,333,217
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1,362,920,081	4,005,105,033
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		24,276,668,772	51,793,228,184
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Nguồn kinh phí	431			
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		386,703,066,323	404,009,623,355



ĐINH TÂN THÔNG TIN
Người lập Bảng



TRẦN HỮU TRÍ
Kế Toán Trưởng



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 17 tháng 07 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	Quý 02		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
			VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		25,703,112,583	33,204,754,288	71,264,423,193	47,953,233,988
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần	10		25,703,112,583	33,204,754,288	71,264,423,193	47,953,233,988
Giá vốn hàng bán	11		20,962,938,181	24,412,063,123	60,347,682,579	35,595,020,881
Lợi nhuận gộp	20		4,740,174,402	8,792,691,165	10,916,740,614	12,358,213,107
Doanh thu hoạt động tài chính	21		15,400,951,471	26,090,307,113	17,740,029,694	28,270,823,682
Chi phí tài chính	22		99,087,672	-	463,756,165	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
Chi phí bán hàng	24		532,597,741	416,380,785	1,230,749,115	873,196,094
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,150,897,003	2,072,020,638	4,201,090,884	3,515,549,607
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		17,358,543,457	32,394,596,855	22,761,174,144	36,240,291,088
Thu nhập khác	31		5,427,767,493	18,015,725,767	5,460,951,178	18,115,456,415
Chi phí khác	32		1,397,453,378	1,894,489,413	1,549,137,498	2,079,880,516
Lợi nhuận khác	40		4,030,314,115	16,121,236,354	3,911,813,680	16,035,575,899
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21,388,857,572	48,515,833,209	26,672,987,824	52,275,866,987
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1,583,041,683	4,299,033,531	2,396,319,052	4,892,022,520
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		19,805,815,889	44,216,799,678	24,276,668,772	47,383,844,467
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1,029	2,297	1,261	2,461
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1,029	2,297	1,261	2,461


ĐINH TẤN THÔNG TIN
 Người lập Bảng


TRẦN HỮU TRÍ
 Kế toán trưởng

NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
 Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 17 tháng 07 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		26,931,045,324	52,275,866,987
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		2,340,627,398	4,674,248,059
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03			(6,000,000)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(16,492,355,715)	(46,937,389,452)
Chi phí lãi vay	06			-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		12,779,317,007	10,006,725,594
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(8,630,881,413)	3,045,060,481
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(31,005,077,235)	7,350,356,963
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		31,352,020,401	(9,556,282,923)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		(6,714,292,636)	(4,102,764,424)
Tiền lãi vay đã trả	13			
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2,447,930,552)	(1,973,962,815)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		7,456,459,622	(6,164,840,001)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2,789,615,194	(1,395,707,125)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		12,399,537,536	(2,857,094,978)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		4,169,871,180	20,792,697,235
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7,100,000,000)	(15,000,000,000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24			
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9,309,491,479	35,180,065,348
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		18,778,900,195	38,115,667,605
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3,663,112,500)	641,051,925
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3,663,112,500)	641,051,825
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		17,905,402,889	37,361,012,305
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		3,983,258,871	2,904,736,050
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		21,888,661,760	40,265,748,364



ĐINH TÂN THÔNG TIN
Người lập Bảng



TRẦN HỮU TRÍ
Kế toán trưởng



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 17 tháng 07 năm 2023 5

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi là “Công ty”) được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Cao su Thống Nhất thành Công ty cổ phần.

Ngày 26 tháng 06 năm 2006, Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000263 và cấp lại mã số doanh nghiệp số 3500100424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần thứ 3 vào ngày 15/7/2016, vốn điều lệ của Công ty là 192.500.000.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Nông nghiệp & công nghiệp chế biến

3. Ngành nghề kinh doanh:

Trồng mới, chăm sóc, khai thác, sơ chế, mua bán cao su; Chế biến, mua bán nông sản, rau quả, thức ăn gia súc, gỗ và các sản phẩm từ gỗ cao su, gỗ rừng trồng; Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (San lấp mặt bằng); Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Khai thác vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản (đất, đá, cát); Mua bán phế liệu các loại; mua bán vật tư kim khí, thiết bị ô tô, xe máy, hoá chất (không phải hoá chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông), phân bón và nông lâm sản, cao su; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; Kinh doanh ván Okal, ván MDF, gỗ ván nhân tạo các loại; Kinh doanh ô tô các loại: xe mới 100% và xe đã qua sử dụng.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Văn phòng chính của Công ty đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Danh sách các đơn vị trực thuộc Công ty không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

+ *Nông trường Cao su Hòa Bình 2 – Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;*

+ *Đội Cao su Phong Phú - Xã Long Phước, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;*

+ *Nhà máy CB Mủ Cao Su Bàu Non - Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;*

+ *Đội Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thống Nhất - Xã Đá Bạc, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;*

+ *Xi nghiệp CBNS Phước Hưng – Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.*

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính V/v Hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp;

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
- Công ty tổ chức công tác kế toán theo hình thức tập trung, các đơn vị trực thuộc thực hiện hình thức kế toán báo sổ về Công ty.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất).



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 07 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 07 năm

7. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm quản lý vườn cây được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao 06 năm.

8. Xây dựng cơ bản dở dang (“XDCB”)

8.1 Vườn cây cao su

Vườn cây cao su trong giai đoạn đầu tư được ghi nhận như chi phí xây dựng cơ bản dở dang và không trích khấu hao cho đến khi vườn cây cao su được đưa vào khai thác.

Giá gốc của vườn cây cao su khi đưa vào khai thác được xác định bằng diện tích khai thác nhân với suất đầu tư. Khi thanh lý vườn cây cao su, phần chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại của vườn cây cao su được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Khấu hao của vườn cây cao su được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ước tính 20 năm.

8.2 Xây dựng cơ bản dở dang khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành, mua sắm máy móc thiết bị chưa nghiệm thu và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

9. Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với

mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

10. Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí phát sinh nhưng thực tế chưa chi trả trong năm và được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

12. Quỹ tiền lương

Tiền lương được tính và ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính này căn cứ theo phương án do Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận trước thuế. Riêng đối với hoạt động sau:

-Hoạt động trồng trọt, chế biến nông sản thực hiện tại Nông trường cao su Hoà Bình 2, Nông trường cao su Phong phú thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Châu Đức và huyện Xuyên Mộc). Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận trước thuế.

-Hoạt động trồng trọt, chế biến nông sản thực hiện tại Thành phố Bà Rịa không thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 15% trên lợi nhuận trước thuế.

15. Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba. Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH Hưng Nhон	Đồng Nai, Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty CP Phát triển Công nghệ và Dịch vụ Sáng Tạo	TP.HCM, Việt Nam	Bên liên quan
Công ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Bách Tùng	Đồng Nai, Việt Nam	Bên liên quan

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

1. Tiền	Cuối năm		Đầu năm
- Tiền mặt	651.400.337		534.207.595
- Tiền gửi ngân hàng	11.237.261.423		3.449.051.276
- Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000		
Tổng cộng:	21.888.661.760		3.983.258.871

a) Chi tiết tiền mặt	VND	Ngoại tệ	Cộng
Tại quỹ Văn phòng công ty	548.256.153		548.256.153
Tại quỹ NTCS Hòa Bình 2	6.992.779		6.992.779
Tại quỹ NTCS Phong Phú	748.545		748.545
Tại quỹ Nhà máy SCCS Bàu Non	90.573.000		90.573.000
Tại quỹ Đội NN UDCNC Thống Nhất 2	4.829.860		4.829.860
Tổng cộng:	651.400.337	-	651.400.337

b) Chi tiết tiền gửi ngân hàng	Tiền gửi VND	Tiền gửi USD	Cộng
Ngân hàng NN&PTNT Vũng Tàu	1.821.309.058		1.821.309.058
Ngân hàng NN&PTNT Tỉnh Bà Rịa Vũng tàu	533.304.792		533.304.792
HDBank - Chi nhánh Vũng Tàu	23.304.165		23.304.165
Maritime Bank - Chi nhánh Vũng Tàu	125.390		125.390
BIDVBank -Chi nhánh tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	4.843.466		4.843.466
Sacombank - CN huyện Châu Đức	8.572.017.395		8.572.017.395
Agribank - CN huyện Châu Đức	43.419.799		43.419.799
Ngân hàng TMCP Kiên Long CN BR – VT	1.295.285		1.295.285
Vietcombank Bà Rịa	237.642.073		237.642.073
Tổng cộng:	11.237.261.423		11.237.261.423

c) Chi tiết các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ		Số đầu năm
Tiền gửi kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	10.000.000.000		-
Tổng cộng:	10.000.000.000		-
Tổng cộng:		-	

2. Các khoản đầu tư tài chính	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

a) Chứng khoán kinh doanh						
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
b1) Ngắn hạn	172.100.000.000	172.100.000.000		165.000.000.000	165.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn	172.100.000.000	172.100.000.000		165.000.000.000	165.000.000.000	
- Trái phiếu						
b2) Dài hạn						
- Tiền gửi có kỳ hạn						
- Trái phiếu						
- Các khoản đầu tư khác						
Tổng cộng (b1+b2)	172.100.000.000	172.100.000.000		165.000.000.000	165.000.000.000	
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác (*)	26.811.175.704			26.811.175.704		

(*) Đây là khoản vốn góp trong Công ty cổ phần dịch vụ xuất nhập khẩu nông lâm sản và phân bón Bà Rịa (Bariaserece) là 1.796.000 USD tương đương với 26.811.175.704 VND theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ công ty này.

3. Phải thu khách hàng	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	5.696.936.635	4.599.004.935	18.657.185.445	4.599.004.935
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4.089.180.000	4.089.180.000	4.089.180.000	4.089.180.000
Công ty TNHH TM Long Phương Uyên	-		54.560.000	-
Công ty TNHH MTV SX Khánh Trường Thịnh	-		-	-
Công ty TNHH SX TM Hải Gia Phúc	-		-	-
Bà Lại Ngọc Bội	100.000		-	-
Ông Hoàng Thịnh	170.663.900		-	-
Ông Trần Tuấn Thành	800.490.000		803.266.000	
Công ty TNHH SX TMDV XNK Minh Quyền	-		-	-
Công ty TNHH SX TM Bảo Nhiên	-		621.724.740	
Bà Nguyễn Thanh Sang	301.000		-	-
Ông Nguyễn Tấn Lộc	-		12.398.400.000	
Ông Bùi Văn Quý	126.376.800		-	-
Ông Hoàng Quốc Đạt	-		180.229.770	
Các khách hàng là Đại lý bán cám	509.824.935	509.824.935	509.824.935	509.824.935
b) Phải thu của khách hàng dài hạn				
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
Tổng cộng:	5.696.936.635	4.599.004.935	18.657.185.445	4.599.004.935

4. Trả trước cho người bán	Cuối năm	Đầu năm
----------------------------	----------	---------

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.024.386.891		589.045.918
Công ty CP Đất Đỏ	340.000.000		340.000.000
Công ty CP tư vấn và thẩm định giá Đông Nam	82.500.000		82.500.000
Công ty TNHH TM DV XD Tân Thành Phát	20.000.000		20.000.000
Công ty TNHH TM Bảo Minh Anh	77.500.000		
Công ty CP Công Nghệ Nông Nghiệp Xanh	295.258.200		
Cơ khí Thanh Hào	212.400.000		
Hoàng Thị Thu Lý	206.400.000		
Công ty CP Công Nghệ Sinh Học TPECO	249.900.000		
TT Phân tích Môi trường và Đo Đặc Phương Nam	32.500.000		
Công ty TNHH TM DV Cơ Khí Nhôm Kính Hương Việt	32.450.000		
Công ty TNHH XD TM SX Uy Long	193.586.255		
Công ty TNHH Dịch vụ Công Nghiệp Duy Phát			63.180.000
Công ty CP Thế Giới Nội Thất Phú Thịnh	25.000.000		
Hộ Kinh Doanh Siêu Thị Nông Nghiệp Giá Rẻ	98.932.065		
Cty TNHH MTV SX TM DV XNK Cánh Đồng Xanh	142.675.225		
Công ty TNHH Cơ Khí và Tự Động Hóa Lâm Thao	10.906.500		
Trả tiền vật tư, nguyên liệu	4.378.646		83.365.918
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-		-
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-		-
Tổng cộng:	2.024.386.891		589.045.918

5. Phải thu khác	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	4.353.778.123	-	7.105.493.439	-
Công ty TNHH Phát Hưng Tây Ninh	317.820.000		317.820.000	
Phải thu bảo hiểm người lao động	437.132.290		123.950.220	
Phải thu thuế TNCN người lao động	294.613.333		366.517.663	
Lãi tiền gửi phải thu	3.161.212.500		6.174.205.556	
Phải thu phụ cấp HĐQT & Ban Kiểm soát				
Phải thu tiền tạm ứng người lao động	38.000.000		18.000.000	
Tiền ký quỹ (TK 2441)				
Các khoản phải thu – Cty TNHH SX TM XK Minh Quyền	5.000.000		5.000.000	
Phải thu tiền thuế GTGT tính trước				
Phải thu về cổ phần hóa	100.000.000		100.000.000	
b) Dài hạn	-	-	-	-
Tổng cộng:	4.353.778.123		7.105.493.439	

6. Dự phòng phải thu khó đòi	Cuối năm		Đầu năm
a. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	4.916.824.935		4.916.824.935
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4.407.000.000		4.407.000.000
Dương Thị Yến	53.000.000		53.000.000
Lê Ngọc Tùng	10.000.340		10.000.340
Dương Minh Chiến	34.379.160		34.379.160
Nguyễn Văn Phước	6.550.000		6.550.000
Lê Thị Trúc Lệ	59.115.235		59.115.235

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

TT Khuyến Nông	8.320.000	8.320.000
Nguyễn Thanh Tụ	58.300.000	58.300.000
Anh Hoàng - Long Phước	2.933.500	2.933.500
Nguyễn Thị Hồng Phượng	246.776.700	246.776.700
Nguyễn Thanh Quang	10.450.000	10.450.000
Dương Văn Lợi	20.000.000	20.000.000
b. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-
c. Dự phòng phải thu khó đòi là các bên liên quan	-	-
Tổng cộng:	4.916.824.935	4.916.824.935

7. Tài sản thiếu chờ xử lý	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a) Tiền				
b) Hàng tồn kho				
c) TSCĐ				
d) Tài sản khác				

8. Nợ xấu	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đối tượng nợ
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
Tổng cộng:					

9. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường		-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	5.537.878.072		3.714.514.556	
- Công cụ, dụng cụ	1.866.908.857		960.337.560	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.297.724.134		10.636.778.563	-
- Thành phẩm	4.176.159.768		36.572.117.387	
- Hàng hoá	-	-	-	-
Tổng cộng:	20.878.670.831	-	51.883.748.066	-

10. Tài sản dở dang dài hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
Chi phí trồng tre và chuối tại	-		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

PP&NTCS Hoà Bình 2				
Chi phí trồng keo lai tại NTCS Phong Phú	-			
b) Xây dựng cơ bản dở dang	12.801.293.750	-	40.188.283.718	-
Vườn cây cao su tại NTCS Phong Phú	2.755.624.938		2.576.765.316	
Vườn cây cao su tại NTCS Hoà Bình	8.995.300.723		34.623.310.835	
Dự án B94 – Bàu Mỹ	967.035.600		2.904.875.078	
Vườn Điều tại Đội CS Phong Phú	83.332.489		83.332.489	
Tổng cộng:	12.801.293.750	-	40.188.283.718	-

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây cao su	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	67.177.073.472	23.624.310.689	6.980.542.080	757.850.894	81.163.279.687	179.703.056.822
- Mua trong năm					26.932.037.373	26.932.037.373
- Đầu tư XDCB hoàn thành						-
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán	6.667.650.947	6.804.638.348			1.377.170.724	14.849.460.019
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm	60.509.422.525	16.819.672.341	6.980.542.080	757.850.894	106.718.146.336	191.785.634.176
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	44.126.849.753	21.422.186.074	5.394.988.667	739.924.755	19.323.327.668	91.007.276.917
- Khấu hao trong năm	926.858.671	113.732.764	162.987.155	2.151.136	1.306.581.691	2.512.311.417
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán	6.417.537.876	6.566.486.108			379.165.993	13.363.189.977
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm	38.636.170.548	14.969.432.730	5.557.975.822	742.075.891	20.250.743.366	80.156.398.357
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm	23.050.223.719	2.202.124.615	1.585.553.413	17.926.139	61.839.952.019	88.695.779.905
- Tại ngày cuối năm	21.873.251.977	1.850.239.611	1.422.566.258	15.775.002	86.467.402.970	111.629.235.819

12. Tăng, giảm TSCĐ vô hình	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	-	-	340.000.000
- Mua trong năm				
- Thanh lý, nhượng bán				

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Số dư cuối năm	-	-	-	340.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế				340.000.000
Số dư đầu năm	-	-	-	
- Khấu hao trong năm				-
- Thanh lý, nhượng bán				
Số dư cuối năm	-	-	-	-
Giá trị còn lại				
- Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
- Tại ngày cuối năm	-	-	-	-

13. Chi phí trả trước	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối kỳ
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	-	9.940.869.497	3.665.620.716	6.275.248.781
Khấu hao tài sản cố định chờ phân bổ		2.590.869.848	805.662.400	1.785.207.448
Chi phí tiền thuê đất nông nghiệp chờ phân bổ		3.318.000.000	1.115.530.000	2.202.470.000
Chi phí bảo hiểm phải nộp chờ phân bổ		1.202.015.307	470.372.716	731.642.591
Chi phí khác (Chi phí vật tư, CCDC chờ phân bổ, chi phí khác bằng tiền...)		2.829.984.342	1.274.055.600	1.555.928.742
b. Chi phí trả trước dài hạn	2.860.564.563	2.231.261.439	1.792.217.584	3.299.608.418
Chi phí sửa chữa TSCĐ, CCDC xuất dùng	2.860.564.563	2.231.261.439	1.792.217.584	3.299.608.418
Tổng cộng:	2.860.564.563	2.231.261.439	1.792.217.584	3.299.608.418

14. Tài sản khác	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn:	-	-
- Thuế GTGT được khấu trừ		
b) Dài hạn	-	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Tổng cộng:	-	-

15. Phải trả người bán	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	896.233.105	896.233.105	1.037.111.326 ₆	1.037.111.326
Nguyễn Thị Thu Hồng			27.063.387	27.063.387
Bùi Thị Tuyết Nhung			7.423.014	7.423.014
Huỳnh Thị Mỹ Dung			9.351.790	9.351.790
Công ty TNHH Toàn Phát Lộc			114.750.009	114.750.009
Công ty TNHH SX & TM Vôi Hà Nam	116.495.000	116.495.000	70.761.600	70.761.600
Công ty TNHH SX Bình Thuận Phát	176.461.920	176.461.920	70.201.026	70.201.026
Công ty TNHH Hóa Chất Thành Phương	-	-	-	-
Công ty TNHH Quốc Tế Nông Nghiệp Vàng	24.354.285	24.354.285	231.478.000	231.478.000
Công ty CP Công Nghiệp Nông nghiệp	-	-	60.112.500	60.112.500

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Xanh				
Cửa hàng Cơ Khí Thanh Hào	-	-	14.000.000	14.000.000
Công ty TNHH TM DV Tân Trí Phát	124.370.000	124.370.000	-	-
Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Đồng Quang	258.057.500	258.057.500	-	-
Công ty Cổ Phần Ni Việt	162.000.000	162.000.000	-	-
Công ty TNHH TM DV XNK Vạn Đạt	34.494.400	34.494.400	-	-
Công ty TNHH Phân Bón Kiến Khoa	-	-	431.970.000	431.970.000
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
d) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết cho từng đối tượng)				

16. Người mua trả tiền trước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP TM-DV-DL Cao su	-	-
Công ty TNHH Ý Thiên	-	-
Bùi Văn Quý	-	-
Huỳnh Thị Bích Trâm	-	-
Công ty TNHH Vinh Đại Phát	4.800.000	4.800.000
Lê Thanh Hùng	-	50.000.000
Tiền phải thu từ khách hàng khác	25.847.998	25.574.998
Tổng cộng:	30.647.998	80.374.998

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	269.540.916	2.220.950.398	1.500.760.872	989.730.442
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-			
Thuế Xuất nhập khẩu	-			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.279.732.254	2.447.930.553	5.963.853.569	1.763.809.238
Thuế thu nhập cá nhân (*)	7.395.913	293.717.402	458.212.265	-
Thuế tài nguyên	1.330.880	2.396.800	7.522.240	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	5.917.432.985	932.808.760	4.984.624.225
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	9.000.000	9.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác				
Tổng cộng:	5.557.999.963	10.891.428.138	8.872.157.706	7.738.163.905
Trong đó:				
<i>Thuế và các khoản phải thu nhà nước</i>	<i>16.160.643</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>160.893.510</i>
<i>Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</i>	<i>5.557.999.963</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>7.738.163.905</i>

18. Phải trả người lao động	Cuối năm	Đầu năm
Tiền lương còn lại phải trả	876.154.733	8.294.774.382
Tổng cộng:	876.154.733	8.294.774.382

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

19. Chi phí phải trả	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn	55.000.000	312.369.143
Tiền ăn giữa ca	-	-
- <i>Đội cao su Phong Phú</i>	-	16.239.000
- <i>NTCS Hòa Bình</i>	-	113.610.000
- <i>Nhà máy CBM Bàu Non</i>	-	12.654.000
- <i>Đội NNUDCNC Thống Nhất 2</i>	-	7.286.691
Chi phí kiểm toán BCTC	55.000.000	162.579.452
b) Dài hạn	55.000.000	312.369.143
Tổng cộng:	55.000.000	312.369.143

20. Phải trả khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	36.862.295.835	1.995.800.666
<i>Công ty TNHH TK XD Núi Đất</i>	42.000.000	42.000.000
<i>Công ty TNHH XD TM DV ĐT Trần Văn</i>	21.700.000	21.700.000
<i>Công ty TNHH An Hạ</i>	49.200.000	49.200.000
<i>DNTN Lê Khánh</i>	25.000.000	25.000.000
<i>Công ty TNHH Hoàng Diệp</i>	16.695.000	16.695.000
<i>Công ty TNHH TM DV KT Thuận Phong</i>	60.000.000	60.000.000
<i>Cty TNHH MTCL Sài Gòn</i>	14.858.250	14.858.250
<i>Ông Lý Nhân Tâm</i>	-	76.720.000
<i>Công ty TNHH Xây dựng Xuân Thọ</i>	26.000.000	26.000.000
<i>Công ty TNHH MTV Cơ Khí BK</i>	39.622.000	39.622.000
<i>Cơ khí Thanh Hào</i>	8.343.000	35.001.000
<i>Công ty TNHH Vinh Đại Phát</i>	-	-
<i>Công ty TNHH SX TM Hòa Phát Thiện</i>	100.000.000	-
<i>Công ty TNHH Đại Thiên Tân</i>	10.366.296	10.366.296
<i>Công ty TNHH Kyzuna MTV BRVT</i>	-	-
<i>Công ty TNHH SXTMDV-XNK Minh Quyền</i>	-	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	35.874.617.968	1.331.211.218
Viện điều dưỡng Nông nghiệp (NT Cà phê)	247.426.902	247.426.902
Các khoản phải nộp khác (TCBHXH)	326.466.419	-
b) Dài hạn	-	10.237.142.713
<i>Công ty TNHH Kizuna</i>	-	-
<i>Công ty TNHH SX TM DV Minh Quyền</i>	-	10.237.142.713
Tổng cộng:	36.862.295.835	12.232.943.379

21. Vay và nợ thuê tài chính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	20.000.000.000
Cộng	-	20.000.000.000

22. Dự phòng nợ phải trả	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối năm
Chi phí hỗ trợ pháp lý				-
Chi phí trợ cấp thôi việc				
Tổng cộng:				

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

	-	-	-	-
--	---	---	---	---

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	6.320.718.950	2.776.430.250	2.605.240.000	6.491.909.200
Quỹ phúc lợi	6.400.986.343	6.478.337.250	3.219.297.689	9.660.025.904
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	-	-	-	-
Quỹ khen thưởng ban quản lý, điều hành công ty	-	172.000.000	-	-
Tổng cộng:	12.721.705.293	9.426.767.500	5.824.537.689	16.323.935.104

24. Vốn chủ sở hữu

<i>a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</i>	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
Số dư đầu năm trước	192.500.000.000	95.474.011.654	55.798.332.217	343.772.343.871
- Lãi trong năm nay	-	-	55.798.332.217	55.798.332.217
- Lỗ trong năm nay				-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển				-
- Trích lập quỹ khen thưởng, Phúc lợi				
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành				
- Chia cổ tức				
- Phụ cấp HĐQT & Ban KS				
- Giảm khác				
Số dư cuối năm trước	192.500.000.000	95.474.011.654	55.798.332.217	343.772.343.871
Số dư đầu năm nay	192.500.000.000	105.832.657.290	25.639.588.853	323.972.246.143
- Lãi trong năm nay				
- Lỗ trong năm nay				
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển				
- Giảm quỹ đầu tư phát triển		10.358.645.636		
- Trích lập quỹ khen thưởng, Phúc lợi			(9.254.767.500)	
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành			(172.000.000)	
- Chia cổ tức			(34.650.000.000)	
Số dư cuối kỳ	192.500.000.000	105.832.657.290	25.639.588.853	323.972.246.143
		Số cuối kỳ		Số đầu năm
- UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (51%)		98.175.000.000		98.175.000.000
- Cổ đông khác (49%)		94.325.000.000		94.325.000.000
Cộng		192.500.000.000		192.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

<i>c) Cổ phiếu</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.250.000	19.250.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.250.000	19.250.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.250.000	19.250.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.250.000	19.250.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.250.000	19.250.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		

*** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VND**

25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản nhận giữ hộ		
Ngoại tệ (USD)		
Nợ khó đòi đã xử lý		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	Quý II		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán mũ cao su	12.727.629.383	23.271.102.500	43.433.924.693	30.472.802.500
Doanh thu gia công mũ cao su	-	860.652.800	1.004.329.200	1.720.458.600
Doanh thu mũ SVR thu mua chế biến	318.848.000	345.537.500	318.848.000	345.537.500
Doanh thu bán chuỗi xen canh	2.704.000.000	3.215.212.000	2.704.000.000	3.215.212.000
Doanh thu bán chuỗi	9.952.635.200	4.159.251.415	22.204.773.300	10.846.225.315
Doanh thu bán chuỗi hợp tác: Hợp tác kinh doanh (Mình Quyền)				
Doanh thu khác	-	1.352.998.073	1.598.548.000	1.352.998.073
Tổng cộng	25.703.112.583	33.204.754.288	71.264.423.193	47.953.733.988

2. Các khoản giảm trừ doanh thu:	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại				
Giảm giá hàng bán				
Hàng bán bị trả lại				
Tổng cộng	-	-	-	-

3. Giá vốn hàng bán:	Quý II		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán mũ cao su	12.261.791.730	16.510.459.997	40.174.967.472	21.523.791.382
Giá vốn gia công mũ cao su	-	816.322.691	876.390.495	1.563.586.828
Giá vốn mũ SVR thu mua chế	304.982.089	327.985.435	304.982.089	327.985.435

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

biến				
Giá vốn bán chuối xen canh	1.991.445.362	3.126.395.000	1.991.445.362	3.126.395.000
Giá vốn bán chuối	6.404.719.000	3.082.480.000	16.319.083.300	8.505.042.236
Giá vốn bán mít, chuối Hợp tác kinh doanh (Minh Quyền)				
Giá vốn khác	-	548.420.000	680.813.861	548.420.000
Tổng cộng	20.962.938.181	24.412.063.123	60.347.682.579	35.595.020.881
Dự phòng (hoàn) giảm giá hàng tồn kho				
Tổng cộng	20.962.938.181	24.412.063.123	60.347.682.579	35.595.020.881

4. Doanh thu hoạt động tài chính:	Quý II		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.078.466.936	1.808.825.206	5.417.545.159	3.989.341.775
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.322.484.535	24.281.481.997	12.322.484.535	24.281.481.907
Tổng cộng	15.400.951.471	26.090.307.113	17.740.029.694	28.270.823.682

5. Chi phí tài chính:	Quý II		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	99.087.672	-	463.756.165	-
Chi phí tài chính khác				
Tổng cộng	99.087.672	-	463.756.165	-

6. Chi phí bán hàng:	Quý II		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí kiểm phẩm mủ cao su và bốc xếp	7.870.000	14.035.000	34.184.000	19.453.000
Chi phí vật tư đóng chuối thành phẩm	524.727.741	402.345.785	1.196.565.115	853.743.094
Tổng cộng	532.597.741	416.380.785	1.230.749.115	873.196.094

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp:	Quý II		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.231.016.130	1.178.739.229	2.567.755.714	2.262.612.488
Khấu hao tài sản cố định	96.187.489	96.187.489	192.374.978	192.374.978
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	10.392.917
Chi phí trợ cấp mất việc làm	111.250.750	19.372.500	249.137.000	19.372.500
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	-	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền	709.442.634	780.721.420	1.239.143.192	1.033.796.724
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu	-	(3.000.000)	-	(6.000.000)
Tổng cộng	2.150.897.003	2.072.020.638	4.251.410.884	3.515.549.607
Các khoản giảm trừ chi phí quản lý				

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Tổng cộng	2.150.897.003	2.072.020.638	4.251.410.884	3.515.549.607
------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

8. Thu nhập khác	Quý II		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản (Cây cao su thanh lý)	-	19.930.339.780	-	19.930.339.780
Thu từ bán mù bốt nhà máy, chuỗi thứ phẩm	-	53.753.742	-	53.753.742
Thu khác	5.427.767.493	343.703.710	5.460.951.178	443.434.358
Tổng cộng	5.427.767.493	20.327.797.232	5.460.951.178	20.427.527.880
<i>Giảm trừ giá trị còn lại và chi phí thanh lý cây cao su</i>	-	(2.312.071.465)	-	(2.312.071.465)
Tổng cộng	5.427.767.493	18.015.725.767	5.460.951.178	18.115.456.415

9. Chi phí khác	Quý II		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao tài sản	-	184.391.103	-	368.782.206
Chi phí thanh lý cây cao su	-	2.312.071.465	-	2.312.071.465
Chi phí khác	1.397.453.378	1.710.098.310	1.549.137.498	1.711.098.310
<i>Giảm trừ giá trị còn lại và chi phí thanh lý cây cao su</i>	-	(2.312.071.465)	-	(2.312.071.465)
Tổng cộng	1.397.453.378	1.894.489.413	1.549.137.498	2.079.880.516

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Quý II		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.805.815.889	44.216.799.678	24.276.668.773	47.383.844.467
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	19.805.815.889	44.216.799.678	24.276.668.773	47.383.844.467
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.250.000	19.250.000	19.250.000	19.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.029	2.297	1.261	2.461

11. Chi phí SXKD theo yếu tố	Quý II		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.388.449.019	3.737.692.626	9.000.683.726	8.572.658.308
- Chi phí công cụ dụng cụ	248.407.955	609.959.484	510.487.820	1.214.108.100
- Chi phí nhân công	5.061.831.022	5.060.801.362	10.069.137.345	9.856.617.174
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.465.814.043	2.780.976.276	3.067.730.966	5.766.185.124
- Chi phí khác bằng tiền	6.290.812.512	5.016.296.368	10.433.447.527	9.892.487.312
Cộng	16.455.314.551	17.205.726.116	33.081.487.384	35.302.056.018

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ:**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: Không
3. Thông tin về các bên liên quan:

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên HĐQT, Ban kiểm toán nội bộ, Ban điều hành, thực nhận trong kỳ.

Phụ cấp Hội đồng Quản Trị và Ban Kiểm Toán Nội Bộ

Họ Và Tên	Chức vụ	Quý II/2023	Lũy kế 6 tháng năm 2023
Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Chủ tịch - HĐQT	30.000.000	60.000.000
Nguyễn Nhật Thành Lâm	Phó Chủ tịch - HĐQT	21.000.000	42.000.000
Nguyễn Văn Thoại	Thành viên - HĐQT	15.000.000	30.000.000
Đỗ Khắc Tùng	Thành viên - HĐQT	15.000.000	30.000.000
Phan Văn Phú	Thành viên - HĐQT	15.000.000	30.000.000
Nguyễn Thanh Bình	Thành viên - HĐQT	15.000.000	30.000.000
Phạm Văn Sơn	Thành viên - HĐQT	15.000.000	30.000.000
Cộng		126.000.000	252.000.000

Lương Ban điều hành Công ty

Họ Và Tên	Chức vụ	Quý II/2023	Lũy kế 6 tháng năm 2023
Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Chủ tịch - HĐQT	108.000.000	216.000.000
Nguyễn Nhật Thành Lâm	Tổng Giám Đốc	102.000.000	204.000.000
Trần Hữu Trí	Kế toán trưởng	60.000.000	120.000.000
Cộng		270.000.000	540.000.000

Giao dịch với các bên có liên quan

Căn cứ tại Điểm 1.1Khoản 1.Điều 7 và Điểm 3.1. Khoản 3. Điều 10 Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu với các bên liên quan:

Nội dung nghiệp vụ	Mối quan hệ	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(đồng)
--------------------	-------------	--

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Nội dung nghiệp vụ	Mối quan hệ	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(đồng)
- Công ty bán cây cao su gây đổ cho Công ty TNHH Hưng Nhơn	Cổ đông lớn. Vợ của thành viên HĐQT là Giám đốc Công ty.	-

- Văn phòng công ty bao gồm Nông trường cao su Hoà Bình 2; Đội cao su Phong Phú; Nhà máy chế biến mủ cao su Bàu Non. Đội Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thống Nhất : Chuyên khai thác, sơ chế, kinh doanh cao su...

- Xí nghiệp chế biến nông sản Phước Hưng: Sơ chế; kinh doanh hạt điều; gia công điều nhân

BÁO CÁO BỘ PHẬN CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Đơn vị tính: đồng

Báo cáo bộ phận	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này				
	Văn phòng công ty	Xí nghiệp CBNS Phước Hưng	Đội NNUDCNC Thống Nhất 1	Đội NNUDCNC Thống Nhất 2	Cộng
1, Doanh thu thuần	46.355.649.893	-	2.704.000.000	22.204.773.300	71.264.423.193
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác					
3. Khấu hao	3.181.027.526	90.267.280	664.627.434	917.016.274	4.852.938.514
4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.271.308.301	-	712.554.638	4.689.124.885	26.672.987.824
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ					
6. Tài sản bộ phận	362.316.817.965	-	8.146.012.797	16.240.234.561	386.703.065.323
7. Tài sản không phân bổ					
Tổng Tài sản	362.316.817.965	-	8.146.012.797	16.240.234.561	386.703.065.323
8. Nợ phải trả bộ phận	62.730.819.180	-	-	-	62.730.819.180
9. Nợ phải trả không bộ phận					
Tổng Nợ phải trả	62.730.819.180	-	-	-	62.730.819.180

Ghi chú: Cột 4: Các số in đậm - khớp với số liệu trên Báo cáo KQKD và Bảng CĐKT

5. Thông tin so sánh:

6. Thông tin về hoạt động liên tục:

7. Những thông tin khác:

Người lập bảng

Kế toán trưởng

Bà Rịa, ngày 17 tháng 07 năm 2023

Tổng Giám đốc

Dinh Tấn Thông Tín

Trần Hữu Trí

Nguyễn Nhật Thành Lâm